



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thừa Thiên Huế*

Số 05

Ngày 22 tháng 01 năm 2019

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

11-01-2019	Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế.	02
------------	---	----

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

03-01-2019	Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	04
09-01-2019	Chỉ thị số 03/CT-UBND về việc nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	26

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3466/TTr-STC ngày 27 tháng 12 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế như sau:

"6. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Chế độ thu, nộp:

Chế độ thu, nộp phí thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật có liên quan.

**b) Quản lý và sử dụng phí:**

- Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế được để lại 35% tổng số tiền phí thu được và được sử dụng để chi các nội dung: Chi hoạt động thường xuyên của bộ máy quản lý; chi các hoạt động phục vụ du khách tham quan; công tác chăm sóc, chỉnh trang cảnh quan sân vườn, bảo vệ môi trường; chi xúc tiến du lịch, thu hút khách tham quan; công tác bảo tồn bảo tàng, trưng bày triển lãm; công tác phát huy giá trị nhã nhạc, văn hóa phi vật thể; các hoạt động nghệ thuật phục vụ du khách tham quan; các hoạt động phục vụ các ngày lễ, tết; tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế; mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khác của đơn vị.

Hàng năm, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế căn cứ vào nguồn thu phí được để lại theo quy định, phân bổ cho các đơn vị trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn tài chính hiện hành.

- Nộp 65% nguồn thu còn lại vào ngân sách nhà nước và được bố trí cho các nội dung: Chi đầu tư trùng tu di tích; di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực di tích (bao gồm tái định cư); chi các hoạt động đặc thù di tích; chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế thực hiện; tạo nguồn cải cách tiền lương (nếu có) theo quy định của nhà nước và chi các nhiệm vụ khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Tỷ lệ % số tiền thu phí để lại nêu tại điểm b khoản này được thực hiện trong hai năm, từ năm 2019 đến năm 2020. Từ năm 2021, căn cứ vào mức tăng trưởng nguồn thu phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế hàng năm và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế sau khi được kiện toàn, đổi mới để xác định tỷ lệ % tổng số thu phí để lại cho đơn vị phù hợp với tình hình thực tế, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh."

**Điều 2.** Bãi bỏ Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tăng cường quản lý tài chính nhà nước tại Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2019.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết  
vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch khai thác cát, sỏi xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3182/SXD-QLXD ngày 20 tháng 12 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND tỉnh về việc Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế Công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về quản lý, sử dụng các bãi vật liệu xây dựng cát, sỏi tiếp giáp sông, gắn với việc sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng được quản lý, sử dụng theo nội dung của quy định này và các quy định pháp luật liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các bến bãi vật liệu xây dựng cát, sỏi; tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư xây dựng và hoạt động bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi (sau đây gọi là nhà đầu tư); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi (sau đây gọi là bến, bãi) trong quy định này được hiểu là địa điểm cụ thể để tập kết và tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi. Nếu địa điểm chưa được cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cấp có thẩm quyền thì địa điểm đó chỉ đơn thuần là bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Quy định về xây dựng bến, bãi**

1. Vị trí: Địa điểm xây dựng bến, bãi phù hợp với địa điểm được quy hoạch xây dựng bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh (*Phụ lục I*).

2. Khả năng tập kết: Chiều cao tập kết cát, sỏi tối đa 5m; xung quanh bến bãi phải xây dựng tường bao để đảm bảo cát, sỏi và nước thải không được tràn ra ngoài phạm vi bến bãi.

3. Quy định thiết kế, xây dựng bãi:

- Diện tích khu vực sử dụng làm bãi tập kết:  $\geq 300m^2$ .

- Nhà điều hành: Nhà tạm dạng bán kiên cố, 1 tầng, mái tôn hoặc ngói; chiều cao công trình  $\leq 6m$ ; diện tích  $\leq 50m^2$ .

- Tường rào:

+ Đối với những bãi vị trí gần khu dân cư và đường giao thông (cách khu dân cư và đường giao thông  $\leq 20m$ ) tiếp tục áp dụng chiều cao tường rào theo quy định tường xây cao từ 1,5m - 2,5m;

+ Đối với những bãi xa khu dân cư và đường giao thông (cách khu dân cư và đường giao thông  $\geq 20m$ ) chiều cao tường rào 0,5m – 1m;

- Công phù hợp với cảnh quan, môi trường xung quanh; có biển ghi rõ tên cửa hàng, tên doanh nghiệp hoặc tên hộ.

- Kết cấu công trình do nhà đầu tư tự quyết định và phải đảm bảo an toàn trong thời gian khai thác, sử dụng và các công trình lân cận.

- Công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, thời gian tồn tại công trình ghi trong giấy phép (không quá 5 năm).

- Khi hết thời hạn của giấy phép nếu không được tiếp tục gia hạn thì chủ bến bãi tự tháo dỡ công trình, vật kiến trúc đã xây dựng để bàn giao mặt bằng lại cho Nhà nước và không được bồi thường, hỗ trợ; trường hợp do yêu cầu thu hồi đất đột xuất khi giấy phép còn thời gian hoạt động do điều chỉnh quy hoạch, thì chủ bến, bãi sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

4. Đảm bảo điều kiện về môi trường:

Thực hiện theo đúng Kế hoạch Bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND cấp huyện xác nhận (*Mẫu ở Phụ lục IV*).

5. Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ:

Phải có đủ phương tiện, thiết bị để đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

6. Đảm bảo an toàn giao thông: Để đảm bảo điều kiện lưu thông, an toàn cho du khách, kết cấu hạ tầng giao thông khu vực, thống nhất phương án quản lý hoạt động các phương tiện trên Sông Hương đoạn từ cầu Dã Viên đến cuối Cồn Hén như sau:

- Cấm các phương tiện vận chuyển vật liệu (cát, sỏi) có công suất lớn hơn 24CV và xà lan đậu, đỗ, lưu thông;

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu (cát, sỏi) có công suất nhỏ hơn hoặc bằng 24CV ( $\leq 24CV$ ) được phép lưu thông trong thời gian từ 06h00 sáng đến 17h00 (cấm lưu thông vào ban đêm từ 17h00 đến 6h00 sáng hôm sau). Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển, lưu thông vào ban đêm phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động;

7. Xây dựng và công bố nội quy hoạt động bến, bãi (nội dung cụ thể do chủ đầu tư xây dựng nhưng phải bao gồm các nội dung được quy định tại Quy chế hoạt động bến, bãi ở Mẫu Kế hoạch Bảo vệ môi trường - *Phụ lục IV*).

8. Quy định tập kết cát, sỏi: Các bãi tập kết cát, sỏi trên tuyến sông Hương yêu cầu tập kết bằng ống đậy, khoảng cách từ tường rào của bãi tập kết cát, sỏi đến mép bờ sông đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước và không ảnh hưởng đến cảnh quan;

9. Điều kiện khác:

Nhà điều hành bến, bãi chỉ sử dụng để quản lý và hoạt động bến, bãi; không được sử dụng cho các mục đích khác.

**Điều 5. Quy định lựa chọn chủ đầu tư và sử dụng đất bến, bãi**

1. Đối với đất do UBND xã quản lý

Nhà đầu tư liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện để được hướng dẫn tham gia đấu giá quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định (*Quy trình ở Phụ lục II*).

Khi hết thời hạn hoạt động, chủ bến, bãi đang hoạt động được ưu tiên thuê lại; giá thuê lại theo quy định của Nhà nước nhưng không thấp hơn giá trúng đấu giá.

2. Đối với đất hiện do hộ gia đình quản lý

Nhà đầu tư thỏa thuận thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc góp vốn liên doanh với các chủ sử dụng đất để xây dựng bến, bãi (*Quy trình ở Phụ lục III*).

Trường hợp hộ gia đình đang sử dụng đất để xây dựng bến, bãi (*Quy trình ở Phụ lục III*).

Trường hợp đất đang sử dụng là đất nông nghiệp thì phải lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất làm mặt bằng sản xuất phi nông nghiệp hoặc có thể thỏa thuận với chủ sử dụng đất thống nhất để Nhà nước thu hồi và cho thuê đất có thời hạn, sau khi hết thời hạn thì trả lại cho chủ sử dụng đất tiếp tục sử dụng theo mục đích trước khi thu hồi.

**Điều 6. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng có thời hạn**

1. Hồ sơ xin cấp phép xây dựng có thời hạn nộp tại UBND cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ), 03 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép xây dựng có thời hạn (*Mẫu ở Phụ lục V*).

b) Hồ sơ thiết kế.

c) Giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất cho mục đích làm bến bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi.

2. Thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện.

3. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc.

**Điều 7. Điều kiện để đưa bến, bãi vào hoạt động**

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng chỉ được đưa vào hoạt động, khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy đăng ký phù hợp ngành nghề;

2. Có Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND cấp huyện xác nhận (bao gồm quy chế hoạt động bến, bãi);

3. Đã hoàn thành việc xây dựng công trình bến, bãi theo giấy phép xây dựng có thời hạn được cấp và Giấy phép xây dựng đang còn thời gian hiệu lực;



4. Có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cấp có thẩm quyền (*Mẫu đơn ở Phụ lục VI*);
5. Giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất cho mục đích làm bến bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi;
6. Đảm bảo điều kiện về an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định;
7. Có Nội quy hoạt động bến bãi.

### **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Trách nhiệm của các cấp, các ngành**

1. Sở Xây dựng:
  - Tham mưu UBND tỉnh cập nhật, bổ sung quy hoạch các vị trí xây dựng bến, bãi;
  - Hướng dẫn UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn;
  - Phối hợp với các đơn vị có liên quan để theo dõi, kiểm tra hoạt động các bến, bãi.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường:
  - Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trình UBND tỉnh quyết định giao/cho thuê đất đối với tổ chức;
  - Hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường;
  - Phối hợp với các đơn vị có liên quan để theo dõi, kiểm tra hoạt động các bến, bãi.
3. Sở Giao thông Vận tải:
  - Chỉ đạo việc cấp giấy phép mở bến thủy nội địa đối với các bến, bãi tập kết vật liệu cát, sỏi nằm trong quy hoạch được duyệt.
  - Tăng cường chỉ đạo kiểm tra điều kiện hoạt động của phương tiện thủy nội địa vận chuyển vật liệu cát, sỏi cho các bến bãi theo đúng quy định.
4. Công an tỉnh:
  - Thường xuyên kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường;
  - Phối hợp với các đơn vị có liên quan để theo dõi, kiểm tra hoạt động các bến, bãi.
5. UBND cấp huyện:
  - Chỉ đạo giải tỏa các bến, bãi không thuộc danh mục địa điểm xây dựng, bến, bãi quy định tại Điều 1 Quy định này;
  - Chỉ đạo, thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất; phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết thủ tục giao/cho thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá; thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích lập bến, bãi theo đúng quy hoạch và theo các quy định hiện hành;
  - Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nội dung theo Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận;

- Thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và kiểm tra việc xây dựng bãi tập kết theo đúng giấy phép xây dựng;
- Theo dõi, kiểm tra hoạt động bến, bãi theo nội quy hoạt động bến, bãi;
- Trực tiếp theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động khai thác và bến bãi tập kết cát sỏi trên địa bàn quản lý; kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp các cơ quan có chức năng kiểm tra, xử lý các trường hợp thực hiện không đúng theo quy định;
- Báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của các đơn vị khai thác, xây dựng bến, bãi trên địa bàn đến Sở Xây dựng;
- Các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện: Tổ chức đo vẽ, hoàn chỉnh hồ sơ để báo cáo UBND cấp huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất làm bến, bãi đối với các khu vực đất do UBND xã quản lý; làm đầu mối hoàn chỉnh hồ sơ đất đai cho các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất làm bến, bãi.

#### 6. UBND cấp xã:

- Theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động bến, bãi trên địa bàn; kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp các cơ quan có chức năng kiểm tra, xử lý các trường hợp thực hiện không đúng theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ.

#### **Điều 9. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân hoạt động bến, bãi**

- Chấp hành và phổ biến cho các đối tượng liên quan hoạt động bến, bãi thực hiện đúng theo các nội dung của quy định này, nội quy hoạt động bến, bãi và các văn bản pháp luật liên quan khác.

- Đối với tổ chức, cá nhân trúng đấu giá: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả đấu giá, nếu nhà đầu tư không tiến hành triển khai hoạt động, UBND cấp huyện sẽ thu hồi và hủy kết quả trúng đấu giá; tiến hành tổ chức cho đăng ký đấu giá lại. Mọi chi phí liên quan do trong quá trình triển khai dở dang, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm.

- Đối với đất hộ gia đình quản lý: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng; nếu nhà đầu tư không tiến hành triển khai hoạt động, UBND cấp huyện sẽ thu hồi giấy phép xây dựng. Mọi chi phí liên quan trong quá trình triển khai dở dang, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

## Phụ lục I

### Danh mục địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
1	2	3	4	5	6	7
<b>I</b>	<b>Huyện Phong Điền (6 điểm)</b>					
1	Bãi thôn Cổ Bi 2, xã Phong Sơn	X=1825070 Y= 546218	TK3	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Diện tích khoảng 1500m <sup>2</sup> ; Bãi nằm trên bờ Sông Bồ, cạnh T.Lộ 11B
2	Bãi Phò Ninh, thôn Phò Ninh, xã Phong An	X=1828570 Y= 546946	TK5	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm trên sông Bồ, cạnh tỉnh lộ 11B.
3	Bãi thôn Trạch Hữu, xã Phong Thu	X= 1833655 Y= 537409	BS1	UB Xã		Diện tích khoảng 1300m <sup>2</sup>
4	Bãi thôn 2, xã Điền Hải	X= 1841588 Y= 550112	BS2	UB Xã	Đất lúa cấp theo Nghị định 64	Diện tích khoảng 1000m <sup>2</sup>
5	Bãi thôn Đông Thái, xã Phong Mỹ	X= 1827149 Y= 534002	BS3	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Diện tích khoảng 1000m <sup>2</sup>
6	Bãi Vân Trình, Thôn Tây Phú, xã Phong Bình	X= 1845928 Y= 536404	BS4	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Diện tích khoảng 1000m <sup>2</sup>

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
<b>II</b>	<b>Huyện Quảng Điền (5 điểm)</b>					
1	Bãi La Vân Thượng - La Vân Hạ, xã Quảng Thọ	X=1828204 Y= 556834	TK23	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm cạnh sông Bồ, nằm cạnh đường nhựa.
2	Bãi La Vân Thượng, xã Quảng Thọ	X= 1827225 Y= 556393		UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm cạnh sông Bồ, nằm cạnh đường nhựa.
3	Bãi Phước Yên 2, thôn Phước Yên, xã Quảng Thọ	X=1826939 Y= 554313	TK24	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm cạnh sông Bồ, cạnh đường tỉnh lộ 8A, gần cầu Thanh Lương
4	Bãi Phú Lễ, thôn Phú Lễ, xã Quảng Phú	X=1830185 Y= 548977	TK48	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm cạnh sông Bồ và cách tỉnh lộ 11A khoảng 70m.
5	Bãi Phước Yên 1 (bà Nguyễn Thị Kim Anh), thôn Phước Yên, xã Quảng Thọ	X=1827234 Y= 554290	TK54	Hộ gia đình	Đất sản xuất nông nghiệp	Bãi nằm cạnh sông Bồ và tuyến đường Đập Mít - La Vân Hạ
<b>III</b>	<b>Huyện Phú Lộc (5 điểm)</b>					
1	Thôn Lương Điền Thượng, xã Lộc Điền (Khu vực Cầu Máng)	X=1803224 Y= 581893	TK36	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Bãi nằm cạnh sông Truồi.
2	Thôn Phước Hưng, xã Lộc Thủy	X=1800045 Y= 600783	TK38	UB Xã	Đất giao thông	Bãi nằm dọc sông Bù Lu.

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
3	Thôn Trung Kiên, xã Lộc Tiên	X=1798528	TK39	UB Xã	Đất rừng trồng sản xuất	Bãi nằm sát đường nhựa vào suối Bầu Ghè, cách Quốc lộ 1km về phía nam và cách mỏ đá Thừa Lưu 500m về phía Nam. Bãi nằm trong khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
		Y= 605660			Đất bằng chưa sử dụng	
4	Bãi Cây Sen - thôn Nam Phổ Cẩn - xã Lộc An	X=1804846	TK55	UB xã	Đất lúa cấp theo Nghị định 64	Bãi nằm sát sông Truồi và sát đường liên xã Lộc An - Lộc Hòa
		Y= 582110				
5	Bãi tập kết cát nội đồng tại thôn Thủy Yên Hạ, xã Lộc Thủy	X= 1798992	BS5	Hộ gia đình	Đất trồng cây hàng năm	Nằm bên cạnh đường vào mỏ đá Khe Điều, cách QL1 khoảng 800m.
		Y= 602108				
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Vang (2 điểm)</b>					
1	Thôn Triêm Ân - Xã Phú Mậu	X= 1826929	TK33	UB Xã	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	Bãi dọc sông Hương.
		Y= 561643				
2	Thôn Lại Lộc, xã Phú Thanh, huyện Phú Vang (6 bãi)	X= 1828910	BS6	UB Xã	Đất bãi bồi ven sông	Bãi dọc sông Hương
		Y= 562193				
<b>V</b>	<b>Huyện A Lưới (5 điểm)</b>					
1	Xã Hồng Quảng	X= 1798466	TK42	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi cách khu dân cư 250m, cạnh rừng trồng sản xuất và đất trồng cây hàng năm
		Y= 523380				

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
2	Xã Hồng Bắc	X=1799908	TK43	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm đường Hồ Chí Minh khoảng 1500m
		Y= 522469			Đất nương rẫy	
3	Xã Hồng Hạ	X=1801538	TK44	UB Xã	Đất rừng trồng sản xuất	Bãi nằm cạnh khu dân cư, cách cầu khoảng 160m
		Y= 538284				
4	Xã Hồng Thượng	X=1792692	TK45	UB Xã	Đất trồng cây lâu năm	Bãi cạnh khu dân cư, cách đường Hồ Chí Minh 120m
		Y= 530254				
5	Xã Aroàng	X=1781756	TK46	UB Xã	Đất trồng lúa	Bãi cách đường nhựa khoảng 130m
		Y= 541679			Rừng trồng	
<b>VI</b>	<b>Huyện Nam Đông (4 điểm)</b>					
1	Bãi Tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre	X= 1788654	BS7			Diện tích khoảng 5000m <sup>2</sup>
		Y= 576337				
2	Bãi Tổ dân phố 5, thị trấn Khe Tre	X= 1788148	BS8			Diện tích khoảng 1200m <sup>2</sup>
		Y= 576990				
3	Bãi thôn 2, xã Hương Lộc	X= 1786648	BS9			Diện tích khoảng 5000m <sup>2</sup>
		Y= 577689				
4	Bãi thôn Phú Thuận, xã Hương Giang	X= 1778512	BS10			Diện tích khoảng 5000m <sup>2</sup>
		Y= 572935				
<b>VII</b>	<b>Thị xã Hương Trà (12 điểm)</b>					
1	Thôn Lại Bằng, phường Hương Vân	X=1825467	TK8	UB Xã	Đất sản xuất kinh doanh (Bãi cát sạn)	Bãi nằm trên sông BỒ, nằm cạnh đường bê tông liên thôn
		Y= 546431				

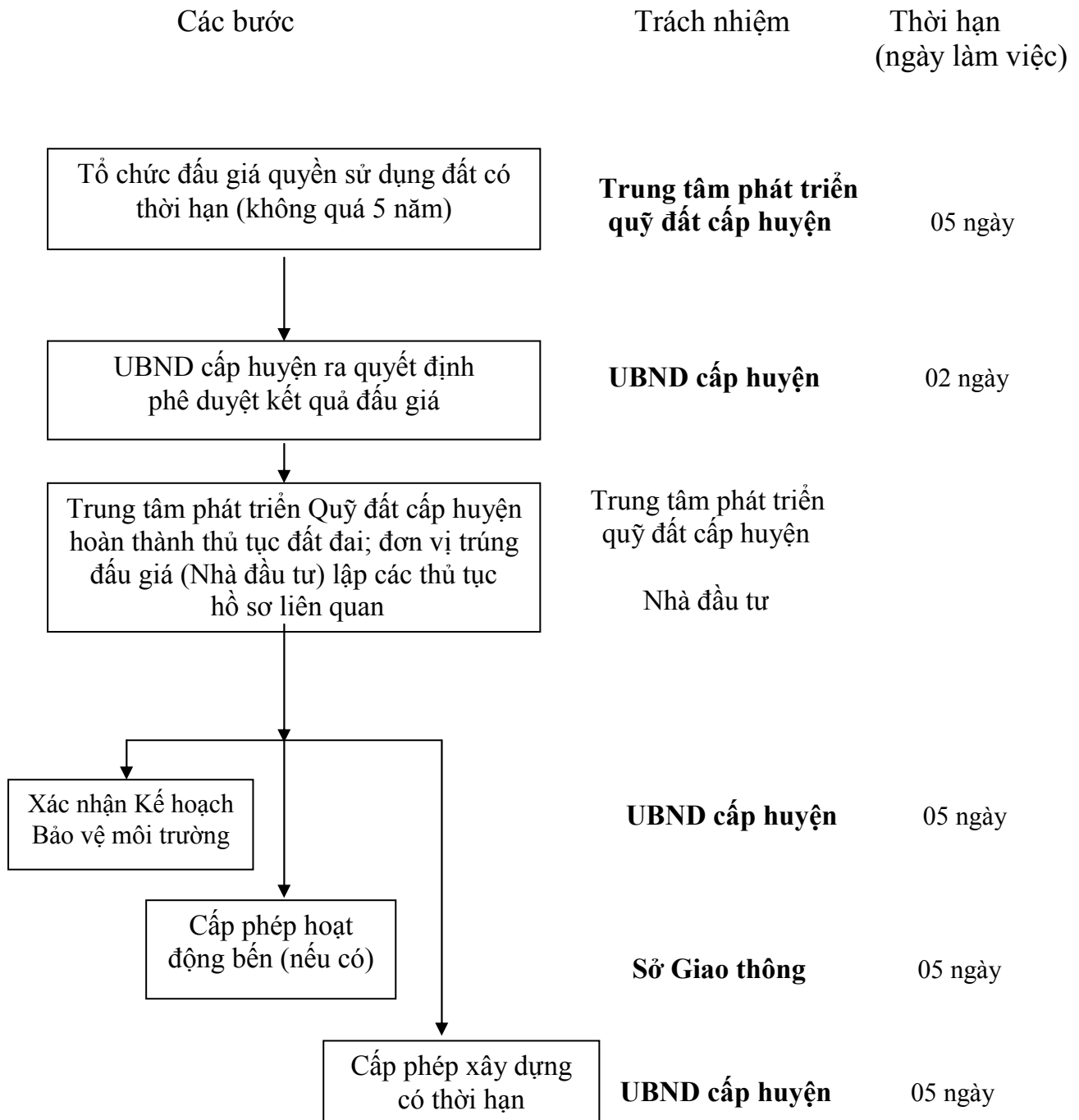
STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
2	Khu vực Khe Bàng, phường Hương Vân	X=1821995	TK9	Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn sông Bò	Đất rừng phòng hộ	Bãi cách đường nhựa khoảng 400m
		Y= 547413				
3	Thôn Lai Thành, phường Hương Vân	X=1826107	TK10	UB Xã	Đất sản xuất kinh doanh	Bãi cách trụ sở UBND xã Hương Vân khoảng 2,3km.
		Y= 546694				
4	Thôn Giáp Tư, phường Hương Văn	X=1827624	TK11	UB Xã	Đất bằng trồng cây hằng năm	Bãi nằm trên sông Bò, cạnh đường bê tông.
		Y= 552363				
5	Bãi thôn Liên Bằng - xã Hương Thọ	X= 1811497	TK56	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Bãi nằm sát sông Hữu Trạch, cách đường QL49 khoảng 65m
		Y= 560320				
6	Thôn Long Hồ Hạ, xã Hương Hồ	X= 1819380	TK15	Hộ gia đình	Đất bằng trồng cây hằng năm khác	Bãi dọc sông Bạch Yến, cách sông Hương khoảng 150m, cách đường tỉnh lộ 12B khoảng 68m.
		Y= 556359				
7	Thôn Long Hồ Hạ, xã Hương Hồ	X= 1819310	BS11	Hộ gia đình		Bãi dọc sông Bạch Yến, Thửa đất số BHK.60, tờ bản đồ 23, diện tích 1361m <sup>2</sup>
		Y= 556189				
8	Bãi cát, sỏi tại thôn La Khê Bãi, xã Hương Thọ	X= 561175,02	BS12	Hộ gia đình	Đất sản xuất nông nghiệp	Diện tích khoảng 790m <sup>2</sup>
		Y= 1813585,44				
9	Bãi cát, sỏi tại thôn La Khê Bãi, xã Hương Thọ	X= 561169,34	BS13	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Diện tích khoảng 1856m <sup>2</sup>
		Y= 1813644,92				

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
10	Thôn Thủy Tú, xã Hương Vinh	X= 1828123	TK18	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi dọc sông Bồ đổ vào Sông Hương, cách cầu 250m, cách sông Hương khoảng 350m.
		Y= 560639				
11	Thôn Thanh Phước, xã Hương Phong	X=1829056	TK20	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm dọc theo sông Hương cách đường liên thôn 100m.
		Y= 561711				
12	Thôn Hải Cát, xã Hương Thọ	X= 1814572	TK47	UB Xã	Đất trồng cây lâu năm	Bãi dọc Khe Thương, cách sông Hương khoảng 120m.
		Y= 560307				
<b>VIII</b>	<b>Thị xã Hương Thủy (10 Điểm)</b>					
1	Khe Lụ, thôn Vỹ Dạ, xã Thủy Bằng	X= 1808727	TK27	UB Xã	Đất màu	Bãi dọc Khe Lụ đổ vào Sông Hương, cạnh đường nhựa, cách sông Hương khoảng 750m. Đất trồng màu đang chờ thu hoạch.
		Y= 566238				
2	Thôn Thanh Vân (Bãi cầu Thăng Long), xã Dương Hòa	X= 1805079	TK28	UB Xã	Đất trồng cây lâu năm	Bãi dọc Sông Hương.
		Y= 566190				
3	Khe Châu Ê, thôn La Khê, xã Thủy Bằng	X= 1813850,844	BS14	UB Xã	Đất biên bãi do UBND xã quản lý	Diện tích khoảng 500m <sup>2</sup>
		Y= 561530,103				
4	Thôn Tân Ba, xã Thủy Bằng		BS15	UB Xã	Đất biên bãi do UBND xã quản lý	Diện tích khoảng 500m <sup>2</sup>
5	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng	X= 1815915	BS16	Hộ gia đình	Đất ở cá nhân	Diện tích đất khoảng 500m <sup>2</sup>
		Y= 560199				



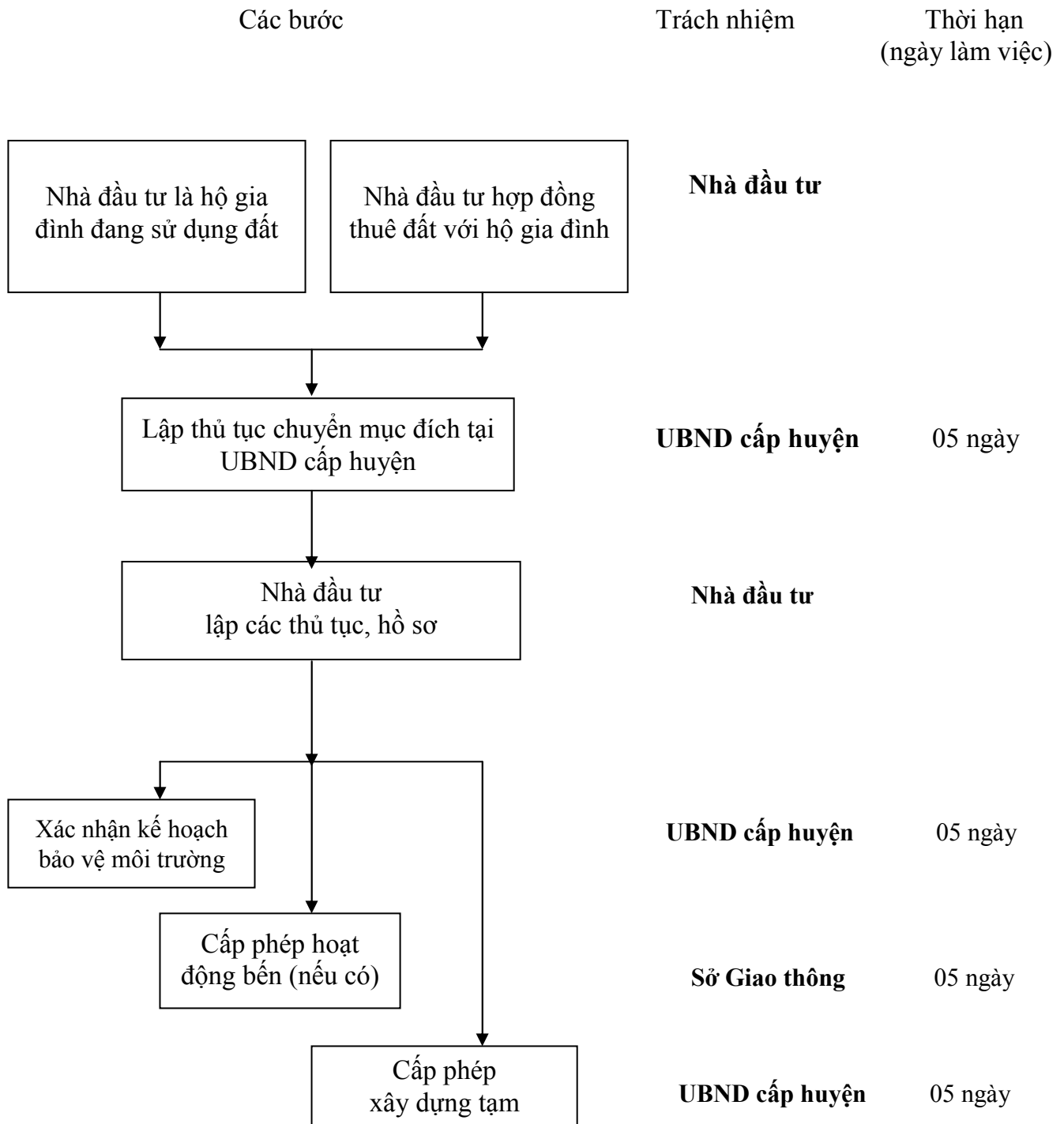
STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
6	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T128-04)	X= 1815765	BS17	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1120m <sup>2</sup>
		Y= 560237				
7	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T66-04)	X= 1815909,649	BS18	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1568m <sup>2</sup>
		Y= 560137,98				
8	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T38-04)	X= 1815912,48	BS19	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây hàng năm	Diện tích đất 980m <sup>2</sup> (đã đi liên ngành)
		Y= 560208,17				
9	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T199-04)	X= 1815647	BS20	Hộ gia đình	Đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1824,2m <sup>2</sup>
		Y= 560291				
10	Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy Bằng (T107-04)	X= 1815819	BS21	Hộ gia đình	Đất ở, đất trồng cây lâu năm	Diện tích đất 1416m <sup>2</sup>
		Y= 560168				
<b>IX</b>	<b>Thành phố Huế (5 điểm)</b>					
1	62 Đường Đặng Tất, phường An Hòa	X= 1822964	TK25	UB Xã	Đất bằng chưa sử dụng	Bãi nằm cạnh đường Đặng Tất, dọc sông An Hòa. Cách sông Hương khoảng 2300m.
		Y= 559556				
2	Khu Định Cư Bãi Dâu - Tổ 12 KV5, phường Phú Hậu	X= 1824475	TK26	UB Xã	Đất màu	Bãi nằm cạnh đường Hoàng Văn Lịch
		Y= 562192				
3	Thửa đất số 50, tờ bản đồ 36 phường Thủy Xuân	X= 1816689	BS22	Hộ gia đình	Đất vườn liền kề đất ở	Đất của ông Thân Thúc Trai, chưa đăng cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất, khu vực Cầu Bồi.
		Y= 560306				

STT	Địa điểm quy hoạch bến, bãi kinh doanh vật liệu xây dựng cát, sỏi	Tọa độ trung tâm	Mang số hiệu trên bản đồ	Chủ sử dụng	Loại đất	Mô tả bãi
4	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 36 phường Thủy Xuân	X= 1816638	BS23	Hộ gia đình	Đất vườn liền kề đất ở	Đất của ông Thân Bá Dũng, chưa đăng cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất, khu vực Cầu Bồi.
		Y= 560264				
5	Thửa đất số 85, tờ bản đồ 44 phường Thủy Biều	X= 1816665	BS24	Hộ gia đình	Đất vườn liền kề đất ở	Đất của ông Thân Trọng Hải, chưa đăng cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất, khu vực Cầu Bồi.
		Y= 560226				
<b>Tổng cộng: 54 điểm.</b>						

**Phụ lục II****LƯU ĐỒ QUY TRÌNH THỦ TỤC LẬP BÃI TẬP KẾT CÁT, SỎI  
(Đối với đất do cấp xã quản lý)***(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019  
của UBND tỉnh)*

**Phụ lục III****LƯU ĐỒ QUY TRÌNH THỦ TỤC LẬP BÃI TẬP KẾT CÁT, SỎI  
(Đối với đất do hộ gia đình quản lý)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019  
của UBND tỉnh)



**Phụ lục IV**

**MẪU KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN  
XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019  
của UBND tỉnh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa điểm), ngày..... tháng ..... năm 20.....

Kính gửi: (1) .....

Gửi đến (1) kế hoạch bảo vệ môi trường đề đăng ký với các nội dung sau đây:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên dự án:** (đúng như tên trong báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án).

**1.2. Tên cá nhân, tổ chức:** ...

**1.3. Địa chỉ liên hệ:** ...

**1.4. Người đại diện theo pháp luật:** ...

**1.5. Phương tiện liên lạc:** (số điện thoại, số Fax, E-mail ..).

**II. ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG BẾN, BÃI KINH DOANH VLXD CÁT, SỎI**

- Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm hoạt động bãi tập kết kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử ...) và các đối tượng khác xung quanh khu vực bãi tập kết cát, sỏi.

- Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của bãi tập kết kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

**III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BẾN, BÃI KINH DOANH VLXD CÁT, SỎI**

Quy chế hoạt động bến, bãi cần đảm bảo một số nội dung chính sau:

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng bãi tập kết: đăng ký công suất bãi (..... m<sup>3</sup>/năm); thời gian hoạt động bến, bãi; tải trọng vận chuyên; Liệt kê số lượng phương tiện vận chuyên; máy móc thiết bị phù hợp kèm theo tình trạng của chúng.

- Phương tiện vận chuyên phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, phải được đăng kiểm và có đủ các giấy tờ theo quy định hiện hành.

- Thời gian hoạt động: tùy theo từng khu vực xin thuê đất làm bãi tập kết để xây dựng thời gian phù hợp, hạn chế ảnh hưởng môi trường, cảnh quan khu vực.

- Vận chuyên vật liệu cát, sỏi phải đúng tải trọng cho phép, đảm bảo điều kiện an toàn, môi trường khi lưu thông.

- Đảm bảo các tiêu chí về môi trường, an toàn theo quy định hiện hành;
- Cát, sỏi tập kết phải đảm bảo điều kiện an toàn, không chắn tầm nhìn, không vương vãi ra bên ngoài...

#### **IV. NHU CẦU NGUYÊN, NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG**

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.
- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước.

#### **V. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

##### **5.1. Các loại chất thải phát sinh**

**5.1.1. Khí thải:** ...

**5.1.2. Nước thải:** ...

**5.1.3. Chất thải rắn:** ...

**5.1.4. Chất thải khác:** ...

(Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần).

##### **5.2. Các tác động khác:**

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

#### **VI. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC**

##### **6.1. Xử lý chất thải:**

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

##### **6.2. Giảm thiểu các tác động khác:**

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

## **VII. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

### **7.1. Các công trình xử lý môi trường:**

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;
- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

### **7.2. Chương trình giám sát môi trường:**

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

## **VIII. CAM KẾT THỰC HIỆN**

Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

Cam kết thực hiện theo đúng các nội dung đã xây dựng trong kế hoạch bảo vệ môi trường này.

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**Chủ dự án**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Phụ lục V****MẪU ĐƠN XIN CẤP PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019  
của UBND tỉnh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN**

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư:

- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Địa chỉ liên hệ: .....

- Số nhà: ..... Đường .....

- Phường (xã): .....

- Tỉnh, thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: ..... Diện tích .....m<sup>2</sup>

- Tại: .....đường .....

- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Tỉnh, thành phố .....

- Nguồn gốc đất:

3. Nội dung xin phép xây dựng tạm Bãi tập kết cát sỏi:

- Công trình: (nhà điều hành, hàng rào, sân, cây xanh, bển,...vv)

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng : .....m<sup>2</sup>;

- Chiều cao công trình: .....m; số tầng: .....

4. Đơn vị hoặc người thiết kế: .....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

5. Phương án phá dỡ khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền

.....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: .....tháng.

7. Tôi xin cam kết làm theo đúng giấy phép được cấp và tự dỡ bỏ công trình khi Nhà nước thực hiện quy hoạch theo thời gian ghi trong giấy phép được cấp. Nếu không thực hiện đúng cam kết tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Người làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)



**Phụ lục VI**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG**  
**BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân (3).....

Địa chỉ: (4) .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Làm đơn đề nghị được cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (2) .....

Vị trí bến: (5) : từ km thứ ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh) .....

Thuộc xã (phường) ....., huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố): .....

Bến thuộc loại: (6): .....

Bến được sử dụng để: (7).....

Phạm vi vùng nước sử dụng (8)

- Chiều dài:..... mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng..... mét, từ mép bờ trở ra.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước (9)

.....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày..... đến ngày.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

**Người làm đơn**

*Ký tên*

(1) Ghi rõ tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

(2) Ghi tên bến,

(3) Ghi tên chủ bến.

(4) Ghi địa chỉ của trụ sở chính. Có thể ghi thêm số điện thoại, số FAX, E-mail để tiện liên hệ.

(5) Ghi rõ bến nằm từ km thứ..... đến km thứ..... thuộc bờ (phải hay trái) của sông (kênh) nào, thuộc xã (phường), huyện (quận), tỉnh (Thành phố) nào. (có thể ghi theo tọa độ nếu bến không thể xác định vị trí theo lý trình).

(6) Ghi rõ là bến thông thường, bến nổi hay cụm bến.

(7) Ghi rõ là bến hành khách hay xếp dỡ hàng hóa thông thường, xếp dỡ xăng dầu hay bến chuyên dùng.

(8) Ghi rõ chiều dài, chiều rộng vùng nước của bến. Tùy trường hợp có thể ghi thêm cách vật chuẩn ..... mét.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 01 năm 2019*

## **CHỈ THỊ**

### **VỀ VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Thời gian qua, thực hiện Quyết định số 1635/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 7/9/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chỉ thị 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch chỉ đạo triển khai trong toàn tỉnh và đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung tồn tại, bất cập, vướng mắc trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây viết gọn là PCCC&CNCH); tình hình cháy, nổ vẫn diễn biến phức tạp; xảy ra nhiều vụ cháy nhà dân, cơ sở sản xuất, chợ... gây thiệt hại lớn về tài sản.

Để kịp thời chấn chỉnh những sơ hở, thiếu sót và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PCCC&CNCH, hạn chế thấp nhất nguy cơ và thiệt hại do cháy, nổ gây ra; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy tại các khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cần quan tâm hơn nữa đến vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác PCCC đồng thời phát huy tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn PCCC&CNCH tại địa bàn, lĩnh vực, cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Kế hoạch của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ và văn bản chỉ đạo về công tác PCCC&CNCH của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian vừa qua. Cần phải xác định rõ đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của cơ quan, đơn vị, địa phương; người đứng đầu phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra cháy, nổ lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh; các sở: Tư pháp, Văn hóa và Thể thao, Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Đại học Huế và các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC&CNCH; tập trung vào các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC, kiến thức trong việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt an toàn, kỹ năng thoát nạn khi có cháy, nổ, sự cố... đến cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên trong các nhà trường, cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân tại các chung cư, khu dân cư, tổ dân phố. Qua đó góp phần đẩy mạnh phát triển phong trào toàn dân PCCC trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục và tăng thời lượng phát thanh, truyền hình, bài viết phổ biến, giáo dục pháp luật về PCCC&CNCH; hướng dẫn Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh nghiên cứu, xây dựng chuyên mục “An toàn PCCC” để phát sóng định kỳ hàng tuần.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân PCCC, vận động hướng dẫn người dân tự trang bị các thiết bị, phương tiện PCCC tại chỗ, các thiết bị phục vụ thoát nạn, thoát hiểm.

3. Công an tỉnh tăng cường chức năng tham mưu, nòng cốt trong công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh triển khai công tác cứu nạn, cứu hộ theo quy định của Chính phủ, Bộ Công an; hàng năm tham mưu tổ chức diễn tập hàng từ 01 - 02 phương án chữa cháy và CNCH quy mô lớn, có sự tham gia của nhiều lực lượng.

Phối hợp các sở, ngành liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất toàn diện công tác PCCC&CNCH tại các cơ quan, tổ chức, các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định. Trong đó, chủ động phối hợp với Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra về PCCC đối với người đứng đầu, các cơ sở, địa bàn còn nhiều tồn tại, vướng mắc, bất cập trong thực hiện quy định pháp luật về PCCC&CNCH nhưng chưa được giải quyết, xử lý dứt điểm.

Tăng cường công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, nhất là vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ trong nhân dân, quản lý các cơ sở kinh doanh phế liệu liên quan đến vũ khí, vật liệu nổ.

Từ nay đến Tết Nguyên đán Kỷ Hợi - 2019, tham mưu thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành PCCC cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế thành lập đoàn kiểm tra cấp huyện, do lãnh đạo UBND cùng cấp làm trưởng đoàn, tiến hành kiểm tra công tác PCCC tại các cơ sở trọng điểm về cháy, nổ theo phân cấp quản lý, tập trung kiểm tra các chợ, trung tâm thương mại, kho chứa hàng... phục vụ Tết.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan căn cứ quy định của Trung ương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành Tiêu chí Khu dân cư an toàn PCCC và các tiêu chí an toàn PCCC khác để tạo cơ sở pháp lý đưa việc thực hiện các quy định PCCC, tiêu chí an toàn PCCC vào nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nghiên cứu xây dựng mới các mô hình an toàn trong PCCC phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương trong đó lấy Công an khu vực, lực lượng công an chính quy cấp xã làm nòng cốt trong quá trình tuyên truyền, vận động, hướng dẫn công tác PCCC đồng thời phối hợp tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình “Cụm doanh nghiệp an toàn, hỗ trợ PCCC&CNCH” tại KCN Phú Bài và các mô hình an toàn về PCCC khác để nhân rộng trong toàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án củng cố, hoàn thiện và trang bị phương tiện cho lực lượng dân phòng làm nhiệm vụ PCCC&CNCH trong toàn tỉnh. Hướng dẫn thành lập mới và thường xuyên kiểm tra, duy trì hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, PCCC chuyên ngành tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị; quan tâm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trách nhiệm, kỹ năng, kiến thức của lực lượng này trong việc tổ chức thực hiện quy định an toàn về PCCC tại cơ sở.

**4. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương** phối hợp với Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch liên quan về PCCC. Tiến hành rà soát, tham mưu UBND tỉnh bổ sung, gắn quy hoạch về PCCC vào các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về ngành, lĩnh vực. Đối với quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu dân cư có loại hình nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh dịch vụ, chung cư cao tầng phải đảm bảo các điều kiện về giao thông, nguồn nước, thoát nạn, hệ thống kỹ thuật PCCC theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC. Quá trình cấp phép xây dựng, cải tạo đối với nhà ở riêng lẻ, nhà ở liền kề... cần chú ý đến các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC theo quy định; kiên quyết không cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC, giấy phép xây dựng và không nghiệm thu về PCCC, nghiệm thu hoàn thành đối với các dự án, công trình không đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về an toàn, PCCC.

**5. Sở Xây dựng** chủ trì, phối hợp Công an tỉnh và các địa phương tập hợp, đề xuất sửa chữa, lắp đặt, bổ sung các trụ nước chữa cháy, điểm (bến bãi) lấy nước tại các khu dân cư, khu đô thị và trên các tuyến đường; nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy hoạch hệ thống cấp nước chữa cháy trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các địa phương rà soát, nghiên cứu, báo cáo đề xuất UBND tỉnh để có giải pháp cải tạo, sửa chữa đối với các chung cư cũ trên địa bàn tỉnh hiện đang xuống cấp và không đảm bảo đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC&CNCH cho người dân sinh sống.

**6.** Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương tiếp tục thực hiện các thủ tục về quy hoạch địa điểm, cấp giấy phép xây dựng đối với các dự án đầu tư, xây dựng trụ sở doanh trại của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh đã được Bộ Công an phê duyệt trước đây (Khu đô thị mới An Vân Dương; thôn Tân Lập, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền; xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc; khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô).

**7.** Các sở: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tiến hành thống kê cụ thể các cơ sở thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đang mất an toàn về PCCC do thiếu nguồn kinh phí trang bị, lắp đặt hệ thống, thiết bị PCCC, như: cơ sở chợ truyền thống, chợ đã được chuyển đổi mô hình hoạt động sang mô hình kinh doanh (thành lập theo Luật Doanh nghiệp), hợp tác xã, các cơ sở giáo dục, trường học, trụ sở cơ quan chính quyền để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, có lộ trình bố trí nguồn vốn hợp lý để từng bước khắc phục trong thời gian tới.

**8.** UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về PCCC tại địa phương; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về PCCC đối với khu dân cư, cơ sở thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.

Phối hợp với Công an tỉnh tổng rà soát, đánh giá, phân loại địa bàn trọng điểm, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao, các cơ sở sản xuất có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ nằm xen kẽ trong khu dân cư, các chợ, trung tâm thương mại, nhà liền kề, nhà ở kết hợp kinh doanh, các cơ sở sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp và chủ động đề ra các giải pháp, biện pháp quản lý phù hợp, chặt chẽ nhằm hạn chế những nguyên nhân có thể dẫn đến cháy, nổ.

Xây dựng quy định, biện pháp cụ thể xử lý đối với các nhà chuyển đổi công năng vừa ở, vừa sản xuất, kinh doanh, làm kho tàng, thu mua phế liệu... nhưng không đảm bảo các điều kiện an toàn PCCC. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn trực thuộc thực hiện ngay các giải pháp, biện pháp đảm bảo an toàn PCCC tại khu dân cư; tham mưu giải quyết dứt điểm việc coi nới, chiếm dụng lối đi chung, cầu mắc đường dây điện, vỉa hè không đảm bảo theo quy định làm cản trở lối tiếp cận của xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi làm nhiệm vụ tại các chung cư trên địa bàn; vận động người dân tự nguyện di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ có nguy hiểm cháy nổ cao ra khỏi khu dân cư.

Các địa phương có rừng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng; chủ động các phương án chữa cháy và đầu tư trang bị phương tiện phục vụ chữa cháy; thường xuyên kiểm tra thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng.

Chỉ đạo củng cố, xây dựng và duy trì hoạt động của lực lượng dân phòng tại khu dân cư, tổ dân phố và phải xác định đây là lực lượng nòng cốt trong công tác PCCC&CNCH tại chỗ. Thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao trình độ nghiệp vụ PCCC&CNCH cho lực lượng này đồng thời chủ động bố trí kinh phí để trang cấp phương tiện, dụng cụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo đúng quy định; giao trách nhiệm cho lực lượng bảo vệ dân phố, dân quân tự vệ... trong việc phối hợp lực lượng dân phòng đảm bảo an toàn PCCC tại địa phương.

Hàng năm, 100% các khu dân cư phải tự tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH có sử dụng lực lượng tại chỗ; đối với những khu dân cư có nguy hiểm cháy, nổ cao phải tổ chức thực tập phương án chữa cháy và CNCH có huy động nhiều lực lượng, phương tiện ít nhất mỗi năm 01 lần.

**9.** Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Công an tỉnh, UBND các địa phương và các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất bố trí nguồn ngân sách phục vụ công tác PCCC&CNCH theo quy định. Thường xuyên theo dõi, cân đối ngân sách, đề xuất hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Chủ động cân đối nguồn kinh phí của địa phương chi cho các nhiệm vụ công tác PCCC&CNCH trên địa bàn theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Thẩm định, đề xuất các nguồn ngân sách để mua sắm, bổ sung trang bị, phương tiện PCCC&CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh và lực lượng dân phòng làm nhiệm vụ PCCC&CNCH trên địa bàn toàn tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế “xã hội hóa” công tác PCCC để huy động được nguồn lực của xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ PCCC&CNCH.

**10.** Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế tăng cường kiểm tra, bảo trì hệ thống, thiết bị điện thuộc tuyến quản lý, đặc biệt là tại các khu dân cư, chung cư để phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn PCCC từ hệ thống, thiết bị điện; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn các biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng điện tại các hộ gia đình và cơ sở trọng điểm.

**11.** Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này; định kỳ 06 tháng, 01 năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ (qua Bộ Công an) kết quả thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: [congbao@thuathienhue.gov.vn](mailto:congbao@thuathienhue.gov.vn);

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.